

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ MIỀN NÚI TỈNH BÌNH ĐỊNH DƯỚI GÓC ĐỘ ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI

Nguyễn Đức Tôn^{*1} và Nguyễn Thành Trung²

¹*Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Quy Nhơn*

²*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quy Nhơn*

Tóm tắt. Phân hóa giàu nghèo có tác động rất lớn đến việc khai thác nguồn “vốn con người”, nhằm đảm bảo sinh kế, nâng cao mức sống, hơn thế nữa là hướng đến công bằng trong hưởng thụ các nhu cầu vật chất và tinh thần trong đời sống thường ngày. Bằng phương pháp phân tích, so sánh và thống kê toán học, bài báo đánh giá sự phân hóa giàu nghèo của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định dựa vào chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người/tháng và được cụ thể thành các tiêu chí là Hệ số GINI, Tiêu chuẩn “40%” và chênh lệch 20% thu nhập nhóm cao nhất và thấp nhất. Kết quả đánh giá cho thấy sự phân hóa giàu nghèo giai đoạn 2010 - 2018 đạt mức tương đối công bằng (theo chuẩn của Ngân hàng thế giới – WB) và có xu hướng tăng lên, hơn nữa qua phương pháp phân nhóm thống kê không đều và đánh giá thang điểm, đã xác định mức độ phân hóa giàu nghèo của địa phương được chia thành 3 nhóm rõ rệt. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương thực hiện các chương trình hành động, chính sách giảm nghèo, ổn định sinh kế góp phần nâng cao mức sống, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo trong thời gian tới.

Từ khóa: Phân hóa giàu nghèo, thu nhập bình quân đầu người/tháng, hệ số GINI, cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định.

1. Mở đầu

Hiện nay, trong thời kỳ hội nhập cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ là yếu tố quyết định cho sự phát triển trí tuệ, sáng tạo và đổi mới. Quá trình kinh tế mở này dẫn đến những thay đổi rõ rệt trên tất cả khía cạnh trong đời sống thường ngày. Gắn với nền sản xuất xã hội này thì sự phân công lao động xã hội với những đặc trưng riêng biệt của các thành phần, tầng lớp là một quá tất yếu, chính hiện tượng này đã làm nảy sinh sự chênh lệch về nguồn lực phát triển kinh tế và các kết quả đi kèm hay nói cách khác đó chính là sự phân hóa giàu nghèo giữa cộng đồng dân cư, lãnh thổ.

Cộng đồng dân cư miền núi ở Việt Nam là lãnh thổ rất khó khăn, hạn chế về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, điển hình như cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ lao động sản xuất... và hơn nữa đây là địa bàn tập trung nhiều người nghèo, cộng đồng các dân tộc ít người và rất dễ bị tổn thương trước những sự thay đổi của tự nhiên, xã hội. Theo báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban Dân tộc, vùng nghèo nhất nước ta hiện nay là ở các địa phương miền núi phía tây các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Quảng Nam và Quảng Ngãi; tỉ lệ hộ nghèo đa chiều của dân tộc thiểu số lên đến 55,0% tổng số hộ nghèo cả nước [1].

Ngày nhận bài: 2/3/2021. Ngày sửa bài: 29/4/2021. Ngày nhận đăng: 10/5/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Đức Tôn. Địa chỉ e-mail: nguyenducton@qu.edu.vn

Cùng chung với những đặc điểm của cộng đồng dân cư miền núi của Việt Nam và các tỉnh, để nâng cao đời sống người dân, giúp cải thiện sinh kế và giảm nghèo, ở tỉnh Bình Định đã áp dụng triển khai và thực hiện Chương trình 135, 134, 30a, nông thôn mới và đã đạt được một số kết quả nhất định như: Thu nhập bình quân đầu người/tháng tăng lên (trong giai đoạn 2010 – 2018 tăng lên gần 2,0 lần), tỉ lệ hộ nghèo giảm (giảm gần 6% giai đoạn 2016-2018), nhiều hộ dân thoát nghèo vươn lên phát triển kinh tế, sinh kế dần được chuyển đổi theo hướng tích cực, mức sống dần được nâng cao [2]. Ngược lại với hình ảnh này, là sự thiếu hụt, khó khăn về thu nhập, chỉ tiêu trong đời sống của một số hộ dân, nhóm dân cư khác trên địa bàn, sinh kế không ổn định và các hộ dân rơi vào tình trạng nghèo của địa phương, mức sống thấp [2], [3].

Dưới góc độ Địa lí kinh tế - xã hội, bài báo tiến hành đánh giá sự phân hóa giàu nghèo của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định theo lãnh thổ cấp huyện dựa vào chỉ tiêu Thu nhập bình quân đầu người/tháng, ở chỉ tiêu này đã phân thành 5 nhóm dân cư (ngũ phân vị) theo Tổng cục Thống kê và đây cũng chính là khách thể nghiên cứu chính của bài báo này. Sở dĩ tác giả lựa chọn chỉ tiêu TNBQĐN/tháng để phân tích sự phân hóa giàu nghèo vì đây là chỉ tiêu có vai trò quan trọng và quyết định đến mức sống của cộng đồng dân cư, nó không chỉ phản ánh được mức tích lũy của người dân mà còn ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác như: Y tế, giáo dục, điều kiện sống về sử dụng điện, nhà ở, phương tiện thiết bị trong gia đình... và hơn nữa phản ánh khá rõ rệt hướng tiếp cận nghèo đa chiều giai đoạn 2016 – 2020 và 2021 – 2025 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội [4], [5], [6], [7], [8].

Từ chỉ tiêu TNBQĐN/tháng tác giả xác định Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI), Tiêu chuẩn “40%”, Chênh lệch 20% nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất, các tiêu chí được đánh giá theo 5 nhóm dân cư và so sánh theo lãnh thổ cấp huyện và được đánh giá, xếp hạng tương ứng với chuẩn của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố hàng năm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nguồn dữ liệu chủ yếu để nghiên cứu này được thực hiện là Kết quả báo cáo về phát triển KT – XH, thu nhập hàng năm ở các huyện miền núi tỉnh Bình Định [2], Dữ liệu mức sống dân cư của địa phương trong các báo cáo thống kê [15]... Các kết quả được phân tích, so sánh với dữ liệu toàn tỉnh và có kế thừa với Kết quả khảo sát mức sống dân cư hàng năm của Tổng Cục thống kê [6], [8]. Hơn nữa, để có thể làm rõ hơn các nhận định qua dữ liệu thứ cấp này, nhóm tác giả tiến hành khảo sát, thực địa và tiến hành phỏng vấn nhanh các hộ dân trên địa bàn để đưa ra những kết luận khoa học và có ý nghĩa.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng nghiên cứu, nhóm tác giả đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của Địa lí như thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu thứ cấp; phương pháp khảo sát, thực địa; phương pháp phỏng vấn nhanh; phương pháp bản đồ - biểu đồ.

Ngoài ra, phương pháp phân nhóm thống kê có khoảng cách không đều [10], [12] kết hợp với phương pháp đánh giá thang điểm **Error! Reference source not found.** được áp dụng để so sánh sự phân hóa giàu nghèo theo lãnh thổ nhằm phân hạng mức độ phân hóa giàu nghèo theo các huyện.

a. Xác định nhóm và điểm các nhóm

Tác giả lựa chọn 3 tiêu chí để phân bố thống kê (1) Hệ số GINI, (2) Tiêu chuẩn “40%”, (3) Chênh lệch 20% nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất (tiêu chí thu nhập bình quân đầu người/tháng không được lựa chọn vì nó chỉ phản ánh giá trị trung bình cho cộng đồng dân cư mà chưa phản ánh được sự phân hóa). Các tiêu chí được phân thành 3 nhóm: Nhóm Thấp,

Nhóm Trung bình và Nhóm Cao. Điểm số tương ứng mỗi nhóm là 1, 2 và 3 (riêng tiêu chí (2) Tiêu chuẩn “40%” có điểm số ngược lại 3, 2, 1 vì giá trị càng cao thì sự phân hóa giàu nghèo càng thấp).

b. Phân hạng mức độ phân hóa giàu nghèo

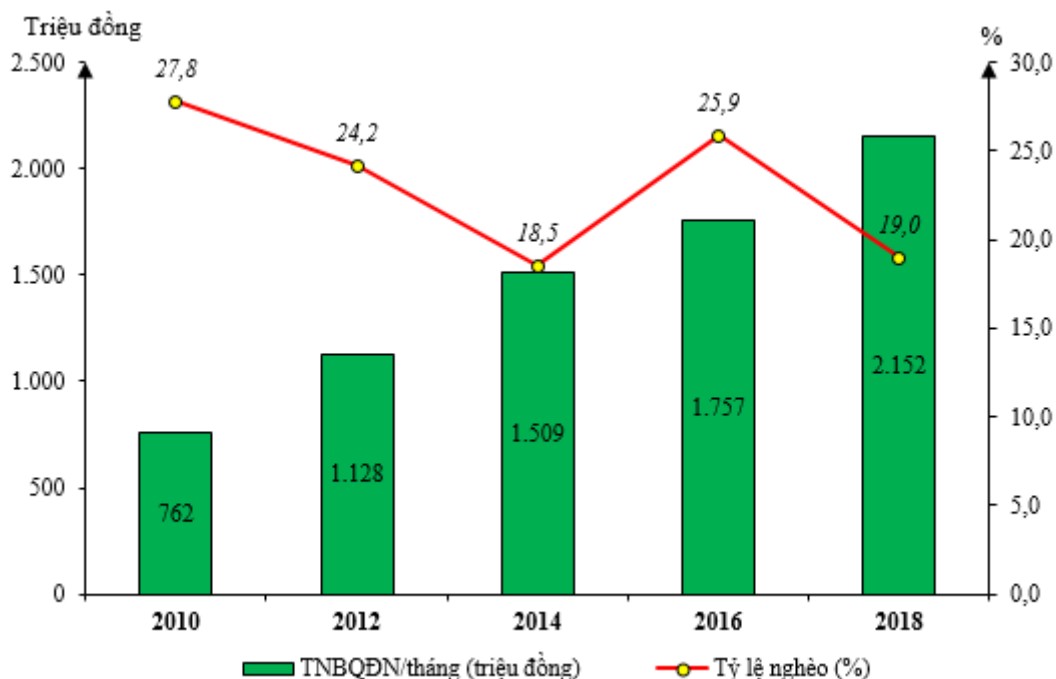
Sau khi xác định các nhóm và điểm tương ứng của các tiêu chí, tổng điểm từ các tiêu chí phản ánh mức độ phân hóa giàu nghèo theo lãnh thổ cấp huyện, theo đó tổng điểm càng cao chứng tỏ sự phân hóa giàu nghèo so với các huyện còn lại sâu sắc hơn.

2.2. Thực trạng phân hóa giàu nghèo cộng đồng dân cư các huyện miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 - 2018

2.2.1. Khái quát mức thu nhập bình quân đầu người/tháng và tỉ lệ hộ nghèo

a. Thu nhập bình quân đầu người/tháng

Cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định gồm các huyện An Lão, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn và Vân Canh. Tổng diện tích là 3.663,4 km² (chiếm 60,3% diện tích toàn tỉnh) và 293,2 nghìn người (chiếm 19,1% dân số toàn tỉnh), mật độ dân số trung bình 80 người/km² (thấp hơn 3 lần trung bình toàn tỉnh). Đây là địa bàn có quy mô đất đai, nguồn thủy lợi dồi dào tạo cơ hội lớn cho phát triển nông, lâm nghiệp. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chỉ chiếm hơn 10% toàn tỉnh và mức thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp so với tỉnh và cộng đồng dân cư đồng bằng, ven biển và có chiều hướng tăng lên.



Hình 1. Thu nhập bình quân đầu người/tháng của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018 (nghìn đồng) [2], [3]

Năm 2010, TNBQĐN/tháng chỉ đạt 762 nghìn đồng, bằng 66,0% TB toàn tỉnh và 44,2% cộng đồng dân cư đồng bằng, ven biển. Đến năm 2018 tăng lên 2.032 nghìn đồng (tăng hơn 2,6 lần so với năm 2010), tương ứng bằng 64,8% và 59,1%. Tốc độ tăng trưởng đạt 13,1%/năm. Cùng với sự tăng lên chung của vùng, TNBQĐN/tháng của các đơn vị hành chính cấp huyện ở cộng đồng dân cư này cũng có xu hướng tăng lên, tuy nhiên có sự phân hóa rõ rệt về giá trị và tốc độ tăng trưởng.

Tốc độ tăng trưởng TB đạt cao nhất là cộng đồng dân cư huyện Vân Canh với 16,5%, thấp nhất là ở Hoài Ân với 11,1%/năm. So với TB toàn tỉnh, trên địa bàn chỉ có An Lão và Vân Canh đạt tốc độ cao hơn (TB tỉnh 13,4%), các địa phương còn lại đạt thấp hơn.

Bảng 1. TNBQĐN/tháng và tốc độ tăng trưởng TNBQĐN/tháng phân theo huyện của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018

STT	Lãnh thổ	TNBQĐN/tháng (nghìn đồng)					Tốc độ tăng trưởng TB (%)
		2010	2012	2014	2016	2018	
1	An Lão	492	856	1.004	1.224	1.668	16,5
2	Vĩnh Thạnh	687	1.027	1.505	1.775	1.882	13,3
3	Vân Canh	641	958	1.307	1.543	1.819	13,9
4	Tây Sơn	1.317	1.496	2.041	2.283	2.634	12,6
5	Hoài Ân	976	1.306	1.689	1.958	2.258	11,1

Nguồn: Xử lý từ [2]

Qua khảo sát có thể lý giải nguyên nhân chính làm cho TNBQĐN/tháng và tốc độ tăng trưởng TB ở đây tăng nhanh là do người dân luôn nhận được hỗ trợ vốn từ các chương trình, chính sách giúp đỡ các vùng miền núi khó khăn, đặc biệt là chương trình 30a, chương trình xây dựng nông thôn mới, cho vay vốn lãi suất thấp để người dân tham gia sản xuất... đồng thời chính sách giao đất, giao rừng cho từng hộ dân quản lý cũng đạt hiệu quả cao, chính vì vậy, người dân yên tâm sản xuất, ổn định cuộc sống...

b. Tỷ lệ hộ nghèo

Năm 2010, tỉ lệ hộ nghèo của cộng đồng dân cư miền núi Bình Định là 27,8%, năm 2014 là 18,5%. Xét theo chuẩn nghèo đa chiều, năm 2016 là 25,9% và giảm còn 19,0% năm 2018. Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều đạt 6,9%. Ngoài ra, số xã, thôn ĐBKK vùng dân tộc thiểu số, miền núi ở đây chiếm đại đa số tỉnh với 42 xã và 193 thôn đặc biệt khó khăn.

2.2.2. Thực trạng phân hóa giàu nghèo theo các tiêu chí đánh giá

a. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI)

Hệ số GINI được tính bằng cách lấy 1 trừ đi thương của tích giữa 2 số phần trăm cộng dồn TNBQĐN/tháng của 2 nhóm kế tiếp nhau (sắp xếp TNBQĐN/1 tháng tương ứng 5 nhóm từ 1 đến 5 tức là nghèo nhất đến giàu nhất) và hiệu số phần trăm cộng dồn của chính hai nhóm đó (Hệ số GINI có giá trị dao động từ 0 đến 1,0. Theo tiêu chuẩn của WB, hệ số GINI càng tiến về 0 chứng tỏ mức bình đẳng càng cao và có 3 bậc xếp hạng bất bình đẳng: Bậc 1 (bất bình đẳng thấp): < 0,4, Bậc 2 (bất bình đẳng vừa): 0,4 – 0,5, Bậc 3 (bất bình đẳng cao): > 0,5.).

Bảng 2. Hệ số GINI của cộng đồng dân cư miền núi Bình Định giai đoạn 2010 – 2018

Năm	2010	2012	2014	2016	2018
Hệ số GINI	0,351	0,350	0,350	0,342	0,345

Xử lý từ [2], [9]

Trên địa bàn, hệ số này có xu hướng giảm dần và xếp ở mức bất bình đẳng thấp trong cả giai đoạn, năm 2010, đạt 0,351 đến năm 2018 giảm còn 0,345, hệ số này cao hơn mức TB của tỉnh, tương ứng là 0,342 và 0,337.

Ở cộng đồng dân cư các huyện, hệ số GINI ít có sự thay đổi và đều xếp ở mức bất bình đẳng thấp. Theo đó, cao nhất ở Hoài Ân với mức 0,346 và thấp nhất ở Tây Sơn 0,341, các huyện còn lại đều có mức 0,344 – 0,345 và đều cao hơn mức TB của tỉnh tương ứng là 0,335 (năm 2018).

Bảng 3. Hệ số GINI phân theo huyện của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018

STT	Lãnh thổ	2010	2012	2014	2016	2018
1	An Lão	0,347	0,333	0,343	0,345	0,345
2	Vĩnh Thạnh	0,359	0,339	0,336	0,343	0,344
3	Vân Canh	0,357	0,329	0,338	0,342	0,345
4	Tây Sơn	0,350	0,340	0,338	0,341	0,341
5	Hoài Ân	0,352	0,326	0,339	0,342	0,346

Nguồn: Xử lý từ [2], [9]

Xét về sự thay đổi hệ số GINI trong giai đoạn 2010 – 2018, mức thay đổi cao nhất ở cộng đồng dân cư Vĩnh Thạnh (giảm 0,015), trong khi đó ở An Lão giảm chậm nhất (chỉ 0,002), tương ứng ở Vân Canh 0,012, Tây Sơn 0,009 và Hoài Ân 0,006 hệ số.

b. Tiêu chuẩn “40%”

Tiêu chuẩn “40%” được xác định dựa vào tỉ trọng thu nhập của 40% dân số có thu nhập thấp nhất trong tổng thu nhập của toàn bộ dân cư (tức là tỉ trọng tổng thu nhập của nhóm 1 và 2 so với tổng thu nhập của 5 nhóm) – Theo WB, có 3 bậc xếp hạng của Tiêu chuẩn 40%: Bậc 1 (Tương đối bình đẳng): > 17,0%, Bậc 2 (bất bình đẳng vừa): 12,0 – 17,0%, Bậc 3 (bất bình đẳng cao): < 12,0%.

Ở cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định, tiêu chuẩn “40%” biến động và có xu hướng giảm trong cả giai đoạn. Năm 2010, chiếm 17,7%, tăng lên 17,8 năm 2012 và giảm còn 17,6% năm 2018, trong đó năm 2016 đạt cao nhất với 17,9%. Xét theo tiêu chuẩn WB, tiêu chuẩn “40%” này được xếp ở bậc 1 – Tương đối bình đẳng. So với cộng đồng dân cư toàn tỉnh và dân cư đồng bằng ven biển, tiêu chí này ở cộng đồng dân cư miền núi luôn thấp hơn, tương ứng là 0,7% và 0,9%, qua đây cho thấy sự phân hóa giàu nghèo ở đây cao hơn so với các lãnh thổ khi so sánh.

Bảng 4. Tiêu chuẩn “40%” phân theo huyện của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018 [2]

STT	Lãnh thổ	2010	2012	2014	2016	2018
1	An Lão	17,9	18,4	18,3	17,7	17,9
2	Vĩnh Thạnh	18,0	18,6	18,5	17,9	18,1
3	Vân Canh	17,5	18,5	18,4	17,9	17,3
4	Tây Sơn	17,7	18,1	18,5	18,1	17,6
5	Hoài Ân	17,6	18,8	18,5	17,9	17,4

Nguồn: Xử lý từ [2]

Ở các huyện trong cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định, tiêu chí này đều xếp ở mức tương đối bình đẳng theo WB và có mức tăng giảm không ổn định, nhìn chung có xu hướng giảm dần qua đây cho thấy sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc khi thu nhập tăng và mức sống dân được nâng cao.

c. Chênh lệch 20% thu nhập của nhóm giàu nhất và nghèo nhất

Chênh lệch 20% nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất là thương giữa mức thu nhập nhóm 5 và nhóm 1 trong cộng đồng dân cư. Khoảng cách càng lớn chứng tỏ sự phân hóa ngày càng sâu sắc.

Mức chênh lệch của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định có xu hướng tăng nhưng không ổn định. Năm 2010 là 6,7 lần đến năm 2014 tăng lên 7,0 lần, tuy nhiên đến 2018 chỉ còn

6,8 lần và năm 2018 tăng lên 6,9 lần, cao hơn 0,3 lần TB tỉnh Bình Định và 0,6 lần cộng đồng dân cư đồng bằng, ven biển phía Đông. Có thể nói, ở chỉ tiêu này, cho thấy sự phân hóa giàu nghèo ở các huyện miền núi tỉnh Bình Định cao hơn hẳn các lãnh thổ còn lại.

Bảng 5. Chênh lệch 20% thu nhập của nhóm giàu nhất và nghèo nhất của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018 (lần)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018
Chênh lệch 20%	6,7	6,7	7,0	6,8	6,9

Nguồn: Xử lý từ [2], [3]

Ở lãnh thổ cấp huyện, tiêu chí này ngày càng tăng dần trong giai đoạn 2010 – 2018, đến năm 2018 mức chênh lệch cao nhất là huyện Vân Canh với 7,3 lần, tiếp đến là Hoài Ân 7,0 (cao hơn TB toàn vùng và tỉnh Bình Định), các huyện còn lại ở mức 6,8 – 6,9 lần, thấp nhất là huyện Tây Sơn với 6,8 lần.

Bảng 6. Chênh lệch 20% thu nhập của nhóm giàu nhất và nghèo nhất phân theo huyện của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018 (lần)

STT	Lãnh thổ	2010	2012	2014	2016	2018
1	An Lão	6,8	6,7	6,9	7,1	6,9
2	Vĩnh Thạnh	6,7	6,8	6,9	6,9	6,9
3	Vân Canh	6,9	6,7	7,3	6,9	7,3
4	Tây Sơn	6,6	6,6	6,9	6,4	6,8
5	Hoài Ân	6,7	6,8	6,8	6,8	7,0

Nguồn: Xử lý từ [2], [3]

Mức chênh lệch có xu hướng tăng lên, đây là điều tất yếu khi sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương cùng với mức sống dân cư ngày được cải thiện.

2.2.3. Đánh giá sự biến đổi sự phân hóa giàu nghèo theo các tiêu chí giai đoạn 2010 – 2018

Đánh giá sự biến đổi các tiêu chí phản ánh sự phân hóa giàu nghèo theo lãnh thổ của một giai đoạn cụ thể giúp chúng ta nhận thấy được hiệu quả của việc thực hiện các giải pháp đẩy mạnh sản xuất, tăng trưởng kinh tế, phát triển sinh kế và ổn định đời sống người dân. Hơn nữa, qua việc đánh giá này phân nào cho ta biết được sự cải thiện mức độ phân hóa giữa các địa phương có ổn định và tiến bộ hay không? Cũng như là việc hướng đến đảm bảo một mức sống, ổn định, bền vững hay chưa.

- *Ở cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định:* Gắn với xu hướng chung của nền sản xuất xã hội, tất cả tiêu chí phản ánh sự phân hóa giàu nghèo toàn khu vực có sự biến động, có xu hướng tăng lên, tức là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc. Mặc dù tiêu chí Hệ số GINI toàn giai đoạn có xu hướng giảm nhẹ nhưng từ năm 2016 đến 2018 đã tăng dần lên [**Bảng 2**], Tiêu chuẩn 40% giảm dần (tức là thu nhập của 2 nhóm nghèo nhất chiếm tỉ lệ ngày càng giảm trong tổng thu nhập [**Bảng 4**]; Chênh lệch 20% nhóm thu nhập giàu nhất và nghèo nhất ngày càng tăng (tức là khoảng cách nhóm giàu nhất và nghèo nhất mở rộng) [**Bảng 5**].

- *Đánh giá theo lãnh thổ cấp huyện:* Cùng với xu hướng chung của toàn vùng, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc, các tiêu chí đánh giá có sự biến đổi gần như tương đồng với địa bàn cộng đồng dân cư miền núi tỉnh. Tuy nhiên, điểm nổi trội có thể nhận thấy là ở Tiêu chuẩn 40% của địa phương Vĩnh Thạnh, An Lão tăng dần (tức là giảm dần sự chênh lệch của 2 nhóm thấp nhất so với các nhóm còn lại) [**Bảng 4**], các địa phương còn lại thì giảm xuống. Mức độ biến đổi của các tiêu chí này nhanh nhất ở huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn và chậm nhất ở An Lão.

2.2.4. Đánh giá tổng hợp sự phân hóa giàu nghèo ở cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định năm 2018

a. Xác định nhóm và điểm từng nhóm

Bảng 7. Phân nhóm và điểm từng nhóm theo các tiêu chí đánh giá

TT	Tiêu chí	Phân nhóm	Điểm	Lãnh thổ
1	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	Thấp: < 0,344	1	Tây Sơn
		TB: 0,344 đến 0,345	2	Vĩnh Thạnh, An Lão, Vân Canh.
		Cao: > 0,345	3	Hoài Ân
2	Tiêu chuẩn “40%	Thấp: < 17,5%	3	Vân Canh, Hoài Ân
		TB: 17,5 – 17,8%	2	Tây Sơn
		Cao: > 17,8%	1	An Lão, Vĩnh Thạnh
3	Chênh lệch 20% thu nhập của nhóm cao nhất và thấp nhất	Thấp: < 6,9 lần	1	Tây Sơn
		TB: 6,9 – 7,0 lần	2	An Lão, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân
		Cao: > 7,0 lần	3	Vân Canh

(Nguồn: Tác giả)

b. Đánh giá tổng hợp các tiêu chí

Bảng 8. Kết quả đánh giá tổng hợp mức độ phân hóa giàu nghèo phân theo huyện của cộng đồng dân cư các huyện miền núi tỉnh Bình Định năm 2018

STT	Huyện	Tiêu chí			Tổng	Xếp hạng
		(1)	(2)	(3)		
1	Tây Sơn	1	2	1	4	PHGN Thấp (< 5 điểm)
2	An Lão	2	1	2	5	PHGN Trung bình (5-7 điểm)
3	Vĩnh Thạnh	2	1	2	5	PHGN Trung bình (5-7 điểm)
4	Vân Canh	2	3	3	8	PHGN Cao (> 7 điểm)
5	Hoài Ân	3	3	2	8	PHGN Cao (> 7 điểm)

(Nguồn: Tác giả)

Qua kết quả đánh giá sự phân hóa giàu nghèo của cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định theo cấp huyện, có thể nhận thấy sự phân hóa mức độ PHGN thành 3 nhóm [Bảng 8].

Theo đó, huyện Vân Canh và Hoài Ân có sự PHGN cao nhất địa bàn, các tiêu chí đều ở nhóm 2 trở lên, trong đó Tiêu chuẩn 40% cả 2 địa phương đều ở nhóm 1 – Thấp.

Huyện An Lão và Vĩnh Thạnh thuộc nhóm có mức độ PHGN trung bình, các tiêu chí xếp ở nhóm 2, trong đó Tiêu chuẩn 40% ở nhóm 3 – Cao, điều này cho thấy sự tiến bộ trong công tác xóa đói, giảm nghèo, chăm lo phát triển kinh tế, ổn định sinh kế ở địa phương của chính quyền cho 2 nhóm dân cư có thu nhập thấp.

Huyện Tây Sơn, xét về trình độ phát triển kinh tế đây là địa phương đạt cao nhất, khi so sánh về mức độ PHGN thì đây là huyện có sự vượt trội, đạt mức PHGN thấp, trong đó Hệ số GINI và Chênh lệch 20% ở nhóm thấp, Tiêu chuẩn 40% ở nhóm trung bình.

3. Kết luận

Cộng đồng dân cư miền núi tỉnh Bình Định có vị trí chiến lược quan trọng, khi đây là cửa ngõ phía tây và giáp vùng kinh tế Tây Nguyên, tiềm năng về tự nhiên khá phong phú, tuy nhiên đây là vùng tập trung nhiều dân tộc thiểu số, nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế nên cần được đầu tư, khai thác trong quá trình phát triển KT - XH. Trong giai đoạn 2010 – 2018, nền kinh tế của địa phương có những bước tiến trong việc nâng cao mức sống người dân, giảm nghèo, tuy nhiên vẫn là vùng nghèo, trình độ thấp và có sự phân hóa giàu nghèo giữa các nhóm hộ dân cư và các lãnh thổ rõ nét.

Qua cách tiếp cận đánh giá dựa TNBQĐN/tháng cùng các tiêu chí Hệ số GINI, Tiêu chuẩn “40%” và Chênh lệch 20% nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất đã xác định được mức độ phân hóa giàu nghèo của địa phương ở mức tương đối công bằng và có xu hướng tăng lên. Đồng thời, bài báo còn đánh giá mức độ phân hóa giàu nghèo theo lãnh thổ cấp huyện, dựa vào phương pháp phân nhóm thống kê và thang điểm tổng hợp đã xác định 3 mức phân hóa giàu nghèo trên địa bàn (Thấp, trung bình và cao) cùng điểm số tương ứng.

Từ kết quả phân tích đã đánh giá sự thay đổi các tiêu chí gắn với mục tiêu và yêu cầu của sự bền vững thì cho thấy địa phương cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ về kinh tế (phát triển mô hình kinh tế gắn với ổn định sinh kế, giảm nghèo, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ văn hóa giáo dục cho cộng đồng dân cư...) để có thể đảm bảo sự ổn định về tốc độ tăng trưởng và sự cải thiện ở các tiêu chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bảo Ngọc, 2019. *Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn*. Nguồn: <https://tuoitre.vn/chenh-lech-giau-ngheo-ngay-cang-lon-20190725095825395.htm>
- [2] Nguyễn Đức Tôn, 2020. “Sự phân hóa mức sống dân cư theo tiểu vùng ở Bình Định”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, tập 65, số 5 (2020), tr.93 – 107).
- [3] UBND các huyện miền núi tỉnh Bình Định, 2010 - 2020. Báo cáo tổng kết tình hình phát triển KT - XH từ năm 2010 đến năm 2018.
- [4] Đỗ Thiên Kính, 2015. “Xu hướng bất bình đẳng về mức sống ở Việt Nam và khu vực nông thôn trong giai đoạn 1992 – 2012”. *Tạp chí Nghiên cứu con người* số 5 (80), 3 - 18.
- [5] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2019. Quyết định Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, Số: 1052/QĐ-LĐTBXH, Hà Nội, 7/2019.
- [6] Tổng cục thống kê Việt Nam, Kho dữ liệu mức sống hộ gia đình, 2019. Nhóm chỉ tiêu về đói nghèo - Hệ số GINI, Hà Nội, <http://portal.thongke.gov.vn/KhodulieuMS/Khainiem.aspx?Mct=9003&N>.
- [7] Nguyễn Đức Tôn, 2020. “Sự phân hóa giàu nghèo trong mức sống dân cư ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2016”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, tập 17, số 1 (2020), tr.130 – 139.
- [8] Tổng cục thống kê Việt Nam, 2013, 2015, 2017, 2019, 2021. *Kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2010, 2012, 2014, 2016, 2018*. Nxb Thống kê.
- [9] Nguyen Duc Ton, Nguyen Minh Tue, Truong Van Tuan, 2019. *Research on inequality coefficient in income distribution (GINI) in Binh Dinh province*, Proceedings international symposium on “Geography Sciences in the Context of the Fourth Industrial Revolution: Opportunities and Challenges”, pp.39 – 50, VNU – HCM press, 11/2019.

- [10] Cao Tấn Bình, 2019. *Nguyên lý thống kê kinh tế (với sự hỗ trợ của SPSS)*. Nxb Đại học Quốc gia.
- [11] Brian Keeley, 2015. *Income inequality – The gap between Rich and Poor*, OECD Insights, OECD Publishing, Paris <http://dx.doi.org/10.1787/9789264246010-en>.
- [12] Mai Văn Nam, 2005. *Nguyên lý thống kê kinh tế*. Nxb Văn hóa thông tin.
- [13] Nguyễn Đình Tấn, 2005. *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*. Nxb Lí luận Chính trị, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Đình Tấn, 2016. *Phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế*. Viện Xã hội học.
- [15] Cục thống kê tỉnh Bình Định, 2020. *Dữ liệu mức sống dân cư tỉnh Bình Định giai đoạn 2010 – 2018*.
- [16] Nguyen Duc Ton, 2020. “Developing indicators and methods for evaluation of the people’s living standards in Binh Dinh province”. *Social Sciences Hanoi National University Education*, Vol 65, Issue 11, pp.188 – 203.

ABSTRACT

Assessment the gap between rich and poor of the community population in the mountain of Binh Dinh province under Geographical Socio-economic perspective

Nguyen Duc Ton^{*1} and Nguyen Thanh Trung²

¹*Department of Natural Sciences, Quy Nhon University*

²*Department of Education, Quy Nhon University*

The gap between rich and poor has a great influence on the exploitation of “human capital”, in order to ensure livelihoods, improve living standards, and moreover towards equity in enjoying needs in everyday life. By analyzing, comparing and using mathematical statistics, the article assessing the gap between rich and poor the community population in the mountainous of Binh Dinh province based on the average income per capita/ month and is detailed into the criteria are the GINI coefficient, the standard “40%” and the gap 20% of the richest household quintile and 20% the poorest income. The assessment results show that the gap between rich and poor in the period 2010 - 2018 reaches a relatively fair level (according to World Bank - WB standards) and tends to increase. Moreover, through the method of uneven statistical grouping and scoring assessment, the local rich and poor differentiation is divided into 3 distinct groups. This is an important basis for the locality to implement action programs and policies to reduce poverty and stabilize livelihoods, contributing to improving living standards and limiting the the gap between rich and poor in the future.

Keywords: The gap between rich and poor, the average income per capita/month, GINI coefficient, the community population in the mountainous of Binh Dinh province.